

< 추석 연휴 생활방역 수칙 >

<Quy tắc phòng tránh dịch trong dịp nghỉ lễ Trung Thu>

코로나19 감염증을 예방하기 위해 “이번 명절은 가급적 이동하지 않기”

“Không di chuyển trong dịp nghỉ lễ này” để tránh lây nhiễm Covid-19

❶ (기본원칙) ‘친구 집 등 방문 및 집단 모임·행사 참석’ 자제 권고

(Nguyên tắc cơ bản) Khuyến cáo hạn chế ‘Tới thăm nhà bạn v.v và hạn chế tham gia các cuộc hội họp, sự kiện’

❷ (부득이하게 방문 시) 장소·동선별 생활방역 수칙 준수로 감염확산 최소화

❸ (Trường hợp bắt buộc phải di chuyển) Hạn chế tối đa lây nhiễm bệnh bằng việc tuân thủ nguyên tắc sinh hoạt tránh dịch theo từng địa điểm, lộ trình

1. 이동할 때 (출발·도착)

1. Khi di chuyển (Xuất phát, đến)

▶ 발열 및 기침 등 호흡기 증상이 있으면 이동하지 않기

▶ Không được di chuyển khi có các triệu chứng hô hấp như sốt hay ho v.v

* 38도 이상 고열 지속, 증상 악화 시 콜센터(1399, 지역번호+120)나 보건소 문의하기

* Nếu liên tục sốt cao trên 38 độ, hoặc các triệu chứng nặng thêm, hãy liên lạc với trung tâm y tế hoặc tư vấn qua điện thoại (1399, mã vùng +120)

▶ 휴게소에 머무르는 시간 최소화

▶ Hạn chế tối đa thời gian nghỉ tại trạm nghỉ chân

▶ 휴게소 실내, 실외에서 마스크 상시 착용

▶ Luôn sử dụng khẩu trang trong và ngoài trạm nghỉ chân

▶ 휴게소에서든 사람 간 간격 2m(최소 1m) 이상 유지

▶ Duy trì khoảng cách 2m (tối thiểu 1m) khi trong trạm nghỉ chân

❶ 기차역, 버스터미널에서

❶ Ở ga tàu điện, bến xe buýt

▶ 가급적 좌석은 사전 온라인 예약, 비대면 서비스(모바일 체크인 등) 우선하여 이용

▶ Đặt trước vé online nếu có thể, ưu tiên sử dụng những dịch vụ không phải tiếp xúc trực tiếp (check-in mobile v.v)

▶ 실내에서는 항상 마스크 착용 ▶ 대화는 자제

- ▶ Luôn luôn sử dụng khẩu trang trong phòng ▶ Hạn chế nói chuyện
- ▶ 지정된 장소에서만 음식 섭취
- ▶ Chỉ được ăn uống ở nơi chỉ định
- ▶ 흡연실, 화장실 줄 설 때 등 사람 간 2m(최소 1m) 간격 두기
- ▶ Duy trì khoảng cách 2m (tối thiểu 1m) khi ở phòng hút thuốc, hoặc khi xếp hàng ở nhà vệ sinh

● 기차·버스 등 내부에서

● Khi trên tàu hoặc xe buýt v.v

- ▶ 마스크 상시 착용하기 ▶ 음식 섭취하지 않기
- ▶ Luôn sử dụng khẩu trang ▶ Không ăn uống
- ▶ 대화 및 전화 통화 자제하되, 불가피한 경우 마스크 착용하고 작은 목소리로 하기
- ▶ Hạn chế nói chuyện và nói chuyện điện thoại, trường hợp bắt buộc phải giao tiếp thì phải đeo khẩu trang và nói nhỏ

2. 친구 집 등에서

2. Ở nhà bạn v.v

● 실천할 것

● Thực tế

- ▶ 친구 집 등 방문 시, 머무르는 시간(기간)은 가급적 짧게
- ▶ Khi đến thăm nhà bạn, nếu có thể chỉ ghé trong thời gian ngắn
- ▶ 친구 집 등 방문 시에도 반드시 마스크 착용, 손 씻기 등 개인 방역 철저
- ▶ Bắt buộc phải đeo khẩu trang kể cả khi thăm nhà bạn v.v, tuyệt đối tuân thủ quy tắc phòng dịch cá nhân như rửa tay v.v
- ▶ 식사 시에는 개인 접시와 배식 수저 등 사용하여 덜어 먹기
- ▶ Khi ăn, dùng đĩa riêng, thìa thìa được sắp sẵn để ăn v.v
- ▶ 반가움은 악수·포옹보다는 목례로 표현하기 ▶ 하루에 2번 이상 자주 환기하기
- ▶ Thể hiện sự vui mừng bằng cách gật đầu hơn là bắt tay hoặc ôm ▶ 1 ngày 2 lần thường xuyên thông gió
- ▶ 손이 많이 닿는 곳(리모컨, 방문 손잡이, 욕실 등)은 하루에 1번 이상 소독하기
- ▶ Khử độc mỗi ngày 1 lần những nơi hay chạm tay (điều khiển, tay nắm cửa phòng, phòng tắm v.v)

● 피할 것

● Những điều cần tránh

- ▶ 발열 및 기침 등 호흡기 증상이 있으면, 친구 집 등 방문하지 않기
- ▶ Nếu có các triệu chứng như sốt, ho, không đến thăm nhà bạn v.v
- ▶ 친구와 밀폐·밀집·밀접 장소(유흥시설, 노래방 등)에는 가지 않기
- ▶ Không đi đến những nơi không gian kín, đông, đông người (cơ sở vui chơi giải trí, phòng hát karaoke v.v)
- ▶ 소리지르기, 노래부르기 등 침방울 튼이 발생하는 행동은 자제하기
- ▶ Hạn chế các hành vi gây bắn nước bọt như hét to, hát v.v

3. 숙소 도착 후

3. Sau khi tới nơi ở

- ▶ 숙소에 머무르며 발열·호흡기 증상 등 관찰하기
- ▶ Theo dõi xem có triệu chứng sốt hay các triệu chứng về hô hấp không, trong khi lưu trú